TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2018
V/v Ly hôn giữa chị L và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Minh Cảnh**

2. Bà **Nguyễn Thanh Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quốc Sang** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà **Lai Thị Ngọc Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 06/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp n, xã Đ, huyện A1, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Đào Văn N, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – chị Lương Thị L trình bày:

Chị L và anh N chung sống với nhau vào năm 2007. Hôn nhân tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh N có quan hệ ngoại tình với người khác về nhà hành hạ vợ có lần hành hung vợ gây thương tích. Vợ chồng đã tự ly thân khoảng ba năm và hiện nay anh N đang công khai sống chung với người phụ nữ khác.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị L tiếp tục xin ly hôn với anh N.

Bị đơn anh Đào Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong hồ sơ vụ án gồm: 01 Đơn xin xác nhận chưa đăng ký kết hôn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ1; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của chị L; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương: Công an xã Đ1 xác nhận anh Đào Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã Đ1 huyện A; Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A1 xác nhận cho đến thời điểm hiện nay chị Lương Thị L và anh Đào Văn N chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 xét xử vắng mắt bị đơn; về hôn nhân căn cứ Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị L và anh N là vợ chồng, về con chung không có, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng các đương sự không yêu cầu nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh N, bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A do đó căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Chị L xin ly hôn với anh N nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn"

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 2007 nhưng đến nay không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Nn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N xác định không có, anh N không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007047 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ

pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 53 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lương Thị L và anh Đào Văn N.

2/ Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Lương Thị L có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001349 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Lương Thị L đã nộp đủ án phí.

5/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Lương Thị Linh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/6/2018). Anh Đào Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAT; THADS;
- VKS An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.